

SO SÁNH LUẬT THỐNG KÊ NĂM 2003 VÀ DỰ THẢO LUẬT THỐNG KÊ (SỬA ĐỔI)

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
Bố cục	- 8 chương, 42 Điều - Các chương đều quy định rõ tên các điều	- 8 chương, 57 Điều - Các chương đều quy định rõ tên các điều	Tăng 15 Điều
Mục đích (Lời nói đầu)	Để nâng cao hiệu quả công tác thống kê, bảo đảm thông tin thống kê trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời phục vụ các cơ quan nhà nước trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân khác; tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về công tác thống kê.		Chuyển xuống Điều 3
	CHƯƠNG I- NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG (6 Điều, từ Điều 1 đến Điều 6)	CHƯƠNG I- NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG (10 Điều, từ Điều 1 đến Điều 10)	
Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	
	<p>1. Luật này quy định về hoạt động thống kê, sử dụng thông tin thống kê và hệ thống tổ chức thống kê nhà nước.</p> <p>2. Việc điều tra thống kê của các tổ chức, cá nhân ngoài hệ thống tổ chức thống kê nhà nước do Chính phủ quy định.</p>	<p>Luật này quy định hoạt động thống kê, sử dụng thông tin thống kê chính thức; quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động thống kê, sử dụng thông tin thống kê chính thức.</p>	
Đối tượng áp dụng	Điều 2. Đối tượng áp dụng Đối tượng áp dụng của Luật này bao gồm:	Điều 2. Đối tượng áp dụng	
	<p>1. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã</p>	<p>1. Tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin gồm: a) Cơ quan nhà nước;</p>	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
	<p>hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh cá thể, hộ gia đình, cá nhân, các tổ chức khác của Việt Nam ở trong nước, ở nước ngoài và tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) cung cấp thông tin thống kê;</p>	<p>b) Đơn vị sự nghiệp; c) Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp; d) Đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân; đ) Tổ chức và cá nhân kinh doanh theo quy định của pháp luật; e) Hộ dân cư và cá nhân; g) Tổ chức khác của Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài; h) Tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.</p>	
	<p>2. Tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê;</p>	<p>3. Tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê.</p>	
	<p>3. Tổ chức thống kê, người làm công tác thống kê.</p>	<p>2. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động thống kê.</p>	
<p>Mục đích của hoạt động thống kê chính thức</p>	<p>Không quy định</p>	<p>Điều 3. Mục đích của hoạt động thống kê chính thức Hoạt động thống kê chính thức nhằm cung cấp thông tin thống kê đáp ứng yêu cầu đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, xây dựng kế hoạch, chính sách, quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội; đáp ứng yêu cầu kiểm tra, giám sát việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội; đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân.</p>	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
Giải thích từ ngữ	Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:	Điều 4. Giải thích từ ngữ	Chuẩn hóa lại một số khái niệm cũ (6 thuật ngữ), bổ sung 12 thuật ngữ mới
	1. <i>Hoạt động thống kê</i> là điều tra, báo cáo, tổng hợp, phân tích và công bố các thông tin phản ánh bản chất và tính quy luật của các hiện tượng kinh tế - xã hội trong điều kiện không gian và thời gian cụ thể do tổ chức thống kê nhà nước tiến hành.	1. <i>Hoạt động thống kê</i> gồm: xác định nhu cầu thông tin cần thu thập; chuẩn bị thu thập; thu thập; xử lý và tổng hợp; phân tích và dự báo; công bố, phổ biến và lưu trữ thông tin thống kê về hiện tượng, quá trình nghiên cứu.	
		2. <i>Hoạt động thống kê chính thức</i> là hoạt động thống kê của Hệ thống tổ chức thống kê nhà nước trực tiếp thực hiện hoặc ủy thác thực hiện theo chương trình thống kê quy định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.	
		3. <i>Chương trình thống kê</i> gồm: hệ thống chỉ tiêu thống kê, chương trình điều tra thống kê, chế độ báo cáo thống kê và chương trình liên quan đến hoạt động thống kê khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.	
		4. <i>Dữ liệu thống kê</i> là các con số, sự kiện để hình thành thông tin thống kê chính thức về hiện tượng, quá trình nghiên cứu.	
	2. <i>Thông tin thống kê</i> là sản phẩm của hoạt động thống kê, bao gồm số liệu thống kê và bản phân tích các số liệu đó.	5. <i>Thông tin thống kê</i> là dữ liệu thống kê được xử lý, tổng hợp và phân tích theo phương pháp, quy trình chuyên môn nghiệp vụ thống kê để phản ánh đặc trưng, thuộc tính của hiện tượng, quá trình nghiên cứu.	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
		<p>6. <i>Thông tin thống kê chính thức</i> là thông tin thống kê do hoạt động thống kê chính thức tạo ra, có giá trị pháp lý, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố và là công cụ quản lý vĩ mô quan trọng trong quản lý và điều hành của Nhà nước.</p>	
	<p>3. <i>Chỉ tiêu thống kê</i> là tiêu chí mà biểu hiện bằng số của nó phản ánh quy mô, tốc độ phát triển, cơ cấu, quan hệ tỷ lệ của hiện tượng kinh tế - xã hội trong điều kiện không gian và thời gian cụ thể.</p>	<p>7. <i>Chỉ tiêu thống kê</i> là khái niệm trong thống kê phản ánh đặc trưng của bộ phận hoặc tổng thể hiện tượng, quá trình nghiên cứu trong điều kiện không gian và thời gian cụ thể. Chỉ tiêu thống kê gồm tên, đơn vị tính, trị số của chỉ tiêu và các dữ liệu đặc tả.</p>	
	<p>4. <i>Hệ thống chỉ tiêu thống kê</i> là tập hợp những chỉ tiêu thống kê do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.</p> <p>5. <i>Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia</i> là tập hợp những chỉ tiêu thống kê phản ánh tình hình kinh tế - xã hội chủ yếu của đất nước.</p>	<p>8. <i>Hệ thống chỉ tiêu thống kê</i> là tập hợp những chỉ tiêu thống kê có quan hệ với nhau để phản ánh hiện tượng, quá trình nghiên cứu.</p>	
		<p>9. <i>Phân loại thống kê</i> gồm: những quy định và hướng dẫn do cơ quan có thẩm quyền ban hành để phân chia một hiện tượng, quá trình nghiên cứu và sắp xếp các đơn vị của chúng thành một số bộ phận riêng biệt, không trùng lặp căn cứ vào một hoặc một số đặc điểm của đơn vị thuộc hiện tượng, quá trình nghiên cứu đó.</p>	
	<p>6. <i>Điều tra thống kê</i> là hình thức thu thập thông tin thống kê theo phương án điều tra.</p>	<p>10. <i>Điều tra thống kê</i> là hình thức thu thập thông tin thống kê về đối tượng nghiên cứu cụ thể theo phương pháp khoa học, thống nhất được quy định trong phương án điều tra thống kê cho mỗi lần điều tra.</p>	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
		<p>11. Tổng điều tra thống kê là điều tra thống kê toàn bộ do Thủ tướng Chính phủ quyết định để thu thập thông tin của tất cả các đối tượng điều tra trên phạm vi cả nước, liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp.</p>	
	<p>7. Báo cáo thống kê là hình thức thu thập thông tin thống kê theo chế độ báo cáo thống kê do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.</p> <p>Báo cáo thống kê bao gồm báo cáo thống kê cơ sở và báo cáo thống kê tổng hợp.</p>	<p>12. Báo cáo thống kê là hình thức thu thập thông tin thống kê về đối tượng nghiên cứu cụ thể theo phương pháp khoa học, thống nhất được quy định trong chế độ báo cáo thống kê trong một thời kỳ nhất định.</p>	
		<p>13. Chế độ báo cáo thống kê là những quy định và hướng dẫn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành về việc thực hiện một tập hợp những báo cáo thống kê có liên quan với nhau để tổng hợp các chỉ tiêu thống kê thuộc một hệ thống chỉ tiêu thống kê và tổng hợp thông tin thống kê khác phục vụ mục đích quản lý nhà nước.</p> <p>Chế độ báo cáo thống kê gồm các nội dung: mục đích, phạm vi thống kê, đối tượng áp dụng, đơn vị báo cáo, đơn vị nhận báo cáo, ký hiệu biểu, kỳ báo cáo, thời hạn nhận báo cáo, phương thức gửi báo cáo và các biểu mẫu kèm theo giải thích biểu mẫu báo cáo thống kê cụ thể.</p>	
		<p>14. Dữ liệu hành chính là dữ liệu được hình thành cho mục đích quản lý thuộc phạm vi, chức năng của cơ quan, tổ chức, thường được ghi chép, lưu giữ, cập nhật trong các hồ sơ hành chính dạng giấy hoặc dạng điện tử.</p>	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
		Dữ liệu hành chính gồm: dữ liệu đăng ký hành chính và dữ liệu không phải đăng ký hành chính.	
		15. <i>Dữ liệu đăng ký hành chính</i> là loại dữ liệu hành chính về cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký với cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.	
		16. <i>Cơ sở dữ liệu thống kê</i> là tập hợp những dữ liệu thống kê có liên quan với nhau được sắp xếp, tổ chức theo một cấu trúc nhất định để quản lý, cập nhật và khai thác bằng phương tiện điện tử phục vụ cho mục đích thống kê. Cơ sở dữ liệu thống kê được hình thành chủ yếu từ dữ liệu của điều tra thống kê, báo cáo thống kê và cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành, cơ sở dữ liệu của địa phương.	
		17. <i>Cơ quan thống kê địa phương</i> gồm: cơ quan thống kê tập trung ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đơn vị hành chính tương đương (sau đây gọi tắt là cấp tỉnh) và cơ quan thống kê tập trung ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và đơn vị hành chính tương đương (sau đây gọi tắt là cấp huyện).	
		18. <i>Hộ dân cư</i> là hộ gồm một người ăn ở riêng hoặc một nhóm người ăn chung và ở chung, họ có thể có hoặc không có quan hệ ruột thịt, hôn nhân, nuôi dưỡng, có hoặc không có quỹ thu - chi chung.	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
Nguyên tắc cơ bản của hoạt động thống kê và sử dụng thông tin thống kê chính thức	Điều 4. Nguyên tắc cơ bản của hoạt động thống kê	Điều 5. Nguyên tắc cơ bản của hoạt động thống kê và sử dụng thông tin thống kê chính thức	
	Hoạt động thống kê phải tuân theo các nguyên tắc cơ bản sau đây:	1. Hoạt động thống kê phải bảo đảm:	
	1. Bảo đảm tính trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời trong hoạt động thống kê;	a) Trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời;	
	2. Bảo đảm tính độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê;	b) Độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê;	
	3. Thống nhất về chỉ tiêu, biểu mẫu, phương pháp tính, bảng phân loại, đơn vị đo lường, niên độ thống kê và bảo đảm tính so sánh quốc tế;	c) Thống nhất về nghiệp vụ, không trùng lặp, chồng chéo;	
	4. Không trùng lặp, chồng chéo giữa các cuộc điều tra thống kê, các chế độ báo cáo thống kê;	d) Minh bạch, công khai;	
	5. Công khai về phương pháp thống kê, công bố thông tin thống kê;		
		đ) Thông tin thống kê phải so sánh được.	
		2. Sử dụng thông tin thống kê phải bảo đảm:	
	6. Bảo đảm quyền bình đẳng trong việc tiếp cận và sử dụng thông tin thống kê nhà nước đã được công bố công khai;	a) Bình đẳng trong tiếp cận và sử dụng;	
7. Những thông tin thống kê về từng tổ chức, cá nhân chỉ được sử dụng cho mục đích tổng hợp thống kê.	b) Bảo mật dữ liệu thống kê.		

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
<p>Nội dung quản lý nhà nước về thống kê</p>	<p>Điều 34. Nội dung quản lý nhà nước về thống kê Nội dung quản lý nhà nước về thống kê bao gồm:</p>	<p>Điều 6. Nội dung quản lý nhà nước về thống kê</p>	<p>Chuyển Điều 34 Luật 2003 thành Điều 6 chương I Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)</p>
	<p>1. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển công tác thống kê, hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, chương trình điều tra thống kê quốc gia;</p>	<p>1. Xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển hoạt động thống kê.</p>	
	<p>2. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về thống kê;</p>	<p>2. Xây dựng, ban hành, tuyên truyền, phổ biến, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về thống kê.</p>	
	<p>3. Phổ biến, giáo dục pháp luật về thống kê;</p>	<p>3. Phổ biến, giáo dục pháp luật về thống kê.</p>	
	<p>4. Quản lý việc công bố thông tin thống kê;</p>	<p>4. Quản lý hoạt động thống kê</p>	
	<p>5. Xây dựng tổ chức thống kê, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê;</p>	<p>5. Xây dựng tổ chức thống kê, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê.</p>	
	<p>6. Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào hoạt động thống kê;</p>	<p>6. Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng phương pháp thống kê tiên tiến và công nghệ thông tin-truyền thông vào hoạt động thống kê.</p>	
	<p>7. Hợp tác quốc tế về thống kê;</p>	<p>7. Quản lý và tạo điều kiện thúc đẩy công tác hợp tác quốc tế về thống kê.</p>	
	<p>8. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thống kê, xử lý vi phạm pháp luật về thống kê;</p>	<p>8. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thống kê, xử lý vi phạm pháp luật về thống kê.</p>	
	<p>9. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thống kê theo quy định của pháp luật.</p>	<p>9. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thống kê theo quy định của pháp luật.</p>	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
Cơ quan quản lý nhà nước về thống kê	Điều 35. Cơ quan quản lý nhà nước về thống kê	Điều 7. Cơ quan quản lý nhà nước về thống kê	Chuyển Điều 35 Luật 2003 thành Điều 7 chương I Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)
	1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thống kê.	1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thống kê.	
	2. Cơ quan thống kê trung ương giúp Chính phủ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thuộc nội dung quản lý nhà nước về thống kê theo quy định của Chính phủ.	2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thống kê theo quy định của Chính phủ.	
	3. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý nhà nước về thống kê trong ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách.	3. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý nhà nước về thống kê trong ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách.	
	4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý nhà nước về thống kê tại địa phương.	4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý nhà nước về thống kê tại địa phương.	
Thanh tra chuyên ngành thống kê	Điều 36. Thanh tra thống kê	Điều 8. Thanh tra chuyên ngành thống kê	Chuyển Điều 36 Luật 2003 thành Điều 8 chương I Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)
	1. Thanh tra thống kê là thanh tra chuyên ngành về thống kê. Thanh tra thống kê có nhiệm vụ thanh tra việc chấp hành pháp luật về thống kê; phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về thống kê; kiến nghị các	1. Thanh tra chuyên ngành thống kê là hoạt động thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành pháp luật về thống kê, quy định về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực thống kê.	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
	<p>biện pháp bảo đảm thi hành pháp luật về thống kê.</p>	<p>Cơ quan Thống kê Trung ương chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện thanh tra chuyên ngành thống kê trong phạm vi cả nước.</p> <p>Cơ quan Thống kê địa phương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện thanh tra chuyên ngành thống kê tại địa phương.</p> <p>2. Nội dung thanh tra chuyên ngành thống kê:</p> <p>a) Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về thống kê theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>b) Thanh tra việc chấp hành các quy định về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực thống kê.</p> <p>3. Nhiệm vụ của thanh tra chuyên ngành thống kê:</p> <p>a) Thanh tra việc chấp hành pháp luật về thống kê và các quy định về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực thống kê của tổ chức, cá nhân;</p> <p>b) Phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về thống kê và các quy định về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực thống kê.</p> <p>4. Hoạt động thanh tra chuyên ngành thống kê, quyền và nghĩa vụ của trưởng đoàn thanh tra, thanh tra viên, công chức được giao nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thống kê thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.</p>	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
	2. Tổ chức và hoạt động của thanh tra thống kê do Chính phủ quy định.		
Ứng dụng khoa học, công nghệ vào hoạt động thống kê	Điều 5. Ứng dụng khoa học, công nghệ vào hoạt động thống kê Nhà nước ưu tiên đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông và phương pháp thống kê tiên tiến vào hoạt động thống kê.		Đưa lên thành chương riêng
Kinh phí cho hoạt động thống kê chính thức		Điều 9. Kinh phí cho hoạt động thống kê chính thức 1. Nhà nước bảo đảm kinh phí cho hoạt động thống kê chính thức. 2. Việc quản lý, cấp và sử dụng kinh phí cho hoạt động thống kê chính thức được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.	
Các hành vi nghiêm cấm trong hoạt động thống kê và sử dụng thông tin thống kê chính thức	Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thống kê Nghiêm cấm các hành vi sau đây:	Điều 10. Các hành vi nghiêm cấm trong hoạt động thống kê và sử dụng thông tin thống kê chính thức	
	1. Không thực hiện hoặc cản trở việc thực hiện chế độ báo cáo, điều tra thống kê;	1. Không thực hiện, cản trở việc thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không kịp thời việc cung cấp thông tin theo phương án điều tra thống kê, chế độ báo cáo thống kê và nguồn dữ liệu hành chính do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.	
	2. Khai man thông tin; báo cáo, công bố thông tin thống kê sai sự thật; ép buộc người khác khai	2. Khai man thông tin.	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
	man thông tin, báo cáo, công bố thông tin thống kê sai sự thật;		
	3. Tiết lộ thông tin thống kê thuộc danh mục bí mật nhà nước; tiết lộ thông tin thống kê gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng tổ chức, cá nhân khi chưa được sự đồng ý của tổ chức, cá nhân đó;	3. Cố ý thực hiện sai các quy định trong phương án điều tra thống kê, chế độ báo cáo thống kê, dữ liệu hành chính; ép buộc người khác khai man thông tin; tự sửa đổi thông tin khi thực hiện điều tra, báo cáo thống kê và cung cấp thông tin từ dữ liệu hành chính dẫn đến sai sự thật.	
		4. Báo cáo, công bố, phổ biến thông tin thống kê sai sự thật.	
		5. Tiết lộ thông tin thống kê thuộc danh mục bí mật nhà nước; tiết lộ dữ liệu, thông tin thống kê thuộc bí mật của tổ chức, cá nhân hoặc sử dụng vào mục đích khác ngoài mục đích thống kê khi chưa được sự đồng ý của tổ chức, cá nhân đó.	
		6. Sử dụng, công bố và phổ biến thông tin thống kê do tổ chức, cá nhân ngoài Hệ thống tổ chức thống kê nhà nước tạo ra để thay thế thông tin thống kê chính thức do cấp có thẩm quyền đã công bố.	
	4. Quyết định điều tra, ban hành chế độ báo cáo thống kê trái quy định của pháp luật;	7. Quyết định điều tra thống kê, ban hành chế độ báo cáo thống kê trái quy định của Luật này.	
	5. Các hành vi khác vi phạm pháp luật về thống kê.	8. Các hành vi khác vi phạm pháp luật về thống kê.	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
	CHƯƠNG II- HỆ THỐNG THÔNG TIN THỐNG KÊ 4 Điều, từ Điều 7 đến Điều 10	CHƯƠNG II- HỆ THỐNG THÔNG TIN THỐNG KÊ CHÍNH THỨC 6 Điều, từ Điều 11 đến Điều 16	
Hệ thống thông tin Thống kê chính thức	Điều 7. Hệ thống thông tin thống kê Hệ thống thông tin thống kê bao gồm:	Điều 11. Hệ thống thông tin Thống kê chính thức	
	1. Thông tin thống kê do hệ thống tổ chức thống kê tập trung trực tiếp thực hiện và tổng hợp từ thông tin thống kê do các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý chung của Nhà nước;	1. Hệ thống thông tin Thống kê chính thức được xây dựng để đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê của các cấp, gồm: a) Hệ thống thông tin thống kê quốc gia; b) Hệ thống thông tin thống kê Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước (sau đây gọi chung là Bộ, ngành); c) Hệ thống thông tin thống kê cấp tỉnh; d) Hệ thống thông tin thống kê cấp huyện.	
		2. Hệ thống thông tin thống kê quốc gia phản ánh tình hình kinh tế - xã hội chủ yếu của cả nước nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý chung của Nhà nước. Hệ thống thông tin thống kê quốc gia gồm thông tin thống kê do Hệ thống tổ chức thống kê tập trung trực tiếp thực hiện và thông tin thống kê do Bộ, ngành thực hiện, cung cấp cho Cơ quan Thống kê Trung ương để tổng hợp theo quy định của pháp luật.	
	2. Thông tin thống kê do các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân	3. Hệ thống thông tin thống kê Bộ, ngành phản ánh tình hình kinh tế - xã hội chủ yếu của ngành,	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
	<p>dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu tổng hợp của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và yêu cầu quản lý, sử dụng của các cơ quan đó.</p>	<p>lĩnh vực nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý của Bộ, ngành và hình thành Hệ thống thông tin thống kê quốc gia.</p> <p>Hệ thống thông tin thống kê Bộ, ngành gồm thông tin thống kê do Bộ, ngành trực tiếp thực hiện và thông tin thống kê do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thuộc ngành, lĩnh vực quản lý thực hiện, cung cấp cho Bộ, ngành để tổng hợp theo quy định của pháp luật.</p>	
		<p>4. Hệ thống thông tin thống kê cấp tỉnh phản ánh tình hình kinh tế - xã hội chủ yếu của cấp tỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý của cấp tỉnh và hình thành Hệ thống thông tin thống kê quốc gia.</p> <p>Hệ thống thông tin thống kê cấp tỉnh gồm: thông tin thống kê do cơ quan thống kê tập trung cấp tỉnh trực tiếp thực hiện và thông tin thống kê do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh thực hiện, cung cấp cho cơ quan thống kê tập trung cấp tỉnh để tổng hợp theo quy định của pháp luật.</p>	
		<p>5. Hệ thống thông tin thống kê cấp huyện phản ánh tình hình kinh tế - xã hội chủ yếu của cấp huyện nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý của cấp huyện và hình thành Hệ thống thông tin thống kê quốc gia, hệ thống thông tin thống kê cấp tỉnh.</p> <p>Hệ thống thông tin thống kê cấp huyện gồm: thông tin thống kê do cơ quan thống kê tập trung cấp huyện trực tiếp thực hiện và thông tin thống kê do cơ quan chuyên môn cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát nhân dân cấp</p>	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
		huyện thực hiện, cung cấp cho cơ quan thống kê tập trung cấp huyện để tổng hợp theo quy định của pháp luật.	
		6. Cơ quan Thống kê Trung ương giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng và thống nhất quản lý Hệ thống thông tin thống kê quốc gia và hệ thống thông tin thống kê cấp tỉnh, cấp huyện; tổ chức, điều phối việc kết nối, chia sẻ giữa các hệ thống thông tin thống kê chính thức. Bộ, ngành chịu trách nhiệm xây dựng và quản lý hệ thống thông tin thống kê Bộ, ngành.	
Thẩm quyền ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê	<p>Điều 8. Thẩm quyền ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê</p> <p>1. Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia. Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia là cơ sở để phân công, phối hợp trong hoạt động thống kê, xây dựng chương trình điều tra thống kê quốc gia, xây dựng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp và chế độ báo cáo thống kê cơ sở.</p> <p>2. Căn cứ vào hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành các chỉ tiêu thống kê phục vụ yêu cầu quản lý, sử dụng thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.</p>		Bỏ Điều 8, lồng ghép vào trong các Điều 12, 13, 14

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia		<p>Điều 12. Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia</p> <p>1. Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia là tập hợp các chỉ tiêu thống kê hình thành Hệ thống thông tin thống kê quốc gia.</p> <p>2. Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia gồm: danh mục và nội dung các chỉ tiêu thống kê.</p> <p>Danh mục chỉ tiêu thống kê gồm: tên, nhóm chỉ tiêu, phân tổ thống kê chủ yếu, kỳ công bố, cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp.</p> <p>Nội dung chỉ tiêu thống kê gồm: khái niệm, phương pháp tính, phân tổ, nguồn số liệu của chỉ tiêu thống kê.</p> <p>3. Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia là cơ sở phân công, phối hợp giữa các Bộ, ngành trong việc xây dựng Chương trình điều tra thống kê quốc gia, chế độ báo cáo thống kê cơ sở và chế độ báo cáo thống kê tổng hợp.</p> <p>4. Cơ quan Thống kê Trung ương giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; hướng dẫn, kiểm tra tình hình và báo cáo kết quả thực hiện Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.</p>	
Hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành		<p>Điều 13. Hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành</p> <p>1. Hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành là tập hợp các chỉ tiêu thống kê hình thành Hệ thống</p>	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
		<p>thông tin thống kê quốc gia và hệ thống thông tin thống kê Bộ, ngành.</p> <p>2. Hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành bao gồm: danh mục chỉ tiêu, các phân loại thống kê chủ yếu, kỳ công bố và cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp.</p> <p>3. Hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành là cơ sở phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc xây dựng chương trình điều tra thống kê của Bộ, ngành; xây dựng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp và chế độ báo cáo thống kê cơ sở do Bộ, ngành ban hành; phục vụ yêu cầu quản lý của Bộ, ngành và tổng hợp các chỉ tiêu thống kê quốc gia.</p> <p>4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán Nhà nước ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành.</p> <p>5. Cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.</p> <p>6. Thẩm định hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành:</p> <p>a) Hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành trước khi ban hành phải được Cơ quan Thống kê Trung ương thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê.</p>	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
		<p>b) Hồ sơ thẩm định gồm: văn bản đề nghị thẩm định, bản dự thảo danh mục và nội dung của hệ thống chỉ tiêu thống kê.</p> <p>c) Nội dung thẩm định gồm: tên chỉ tiêu, khái niệm, nội dung, phương pháp tính, phân tổ, kỳ công bố, nguồn số liệu.</p> <p>d) Thời hạn thẩm định là 15 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định.</p> <p>đ) Bộ, ngành có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo trên cơ sở ý kiến thẩm định; giải trình với Cơ quan Thống kê Trung ương bằng văn bản về việc tiếp thu, không tiếp thu ý kiến thẩm định.</p>	
<p>Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã</p>		<p>Điều 14. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã</p> <p>1. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh là tập hợp các chỉ tiêu thống kê hình thành Hệ thống thông tin thống kê quốc gia và hệ thống thông tin thống kê cấp tỉnh.</p> <p>Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện là tập hợp các chỉ tiêu thống kê để hình thành hệ thống thông tin thống kê cấp tỉnh và hệ thống thông tin thống kê cấp huyện.</p> <p>Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp xã là tập hợp các chỉ tiêu thống kê để hình thành hệ thống thông tin thống kê cấp huyện.</p> <p>2. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã là cơ sở phân công, phối hợp giữa</p>	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
		<p>các cơ quan nhà nước trong hoạt động thống kê ở từng cấp.</p> <p>3. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã bao gồm: danh mục chỉ tiêu; nội dung và phương pháp tính; các phân loại thống kê chủ yếu; kỳ hạn thu thập và phân công thực hiện.</p> <p>4. Cơ quan Thống kê Trung ương giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; hướng dẫn, kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.</p>	
<p>Điều chỉnh, bổ sung các hệ thống chỉ tiêu thống kê</p>	<p>Không quy định</p>	<p>Điều 15. Điều chỉnh, bổ sung các hệ thống chỉ tiêu thống kê</p> <p>1. Các hệ thống chỉ tiêu thống kê được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.</p> <p>2. Hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành được điều chỉnh, bổ sung trước khi ban hành phải được Cơ quan Thống kê Trung ương thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê.</p> <p>Hồ sơ, nội dung và thời hạn thẩm định thực hiện theo điểm b, c, d khoản 6 Điều 13 Luật này.</p> <p>3. Cơ quan Thống kê Trung ương giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành trình Thủ tướng Chính phủ ban hành điều chỉnh, bổ sung Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; điều chỉnh, bổ sung hệ thống chỉ tiêu</p>	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
		<p>thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã phù hợp với sự điều chỉnh, bổ sung của chỉ tiêu thống kê có liên quan trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và đáp ứng yêu cầu quản lý của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.</p> <p>4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán Nhà nước trong phạm vi quyền hạn của mình điều chỉnh, bổ sung hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành phù hợp với sự điều chỉnh, bổ sung của chỉ tiêu thống kê có liên quan trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và đáp ứng yêu cầu quản lý của Bộ, ngành.</p>	
Phân loại thống kê	Điều 9. Bảng phân loại thống kê	Điều 16. Phân loại thống kê	
	<p>1. Các bảng phân loại thống kê được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành dùng làm chuẩn mực và sử dụng thống nhất trong hoạt động thống kê, bao gồm các bảng hệ thống ngành kinh tế quốc dân, phân loại loại hình kinh tế, danh mục đơn vị hành chính, danh mục dân tộc, danh mục đơn vị kinh tế, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, danh mục sản phẩm, hàng hoá, danh mục nghề nghiệp, danh mục giáo dục đào tạo và các bảng phân loại thống kê khác.</p>	<p>1. Phân loại thống kê được sử dụng thống nhất trong hoạt động thống kê, làm căn cứ để thống nhất sử dụng trong quản lý nhà nước.</p>	
		<p>2. Phân loại thống kê gồm: danh mục và nội dung phân loại thống kê.</p> <p>Danh mục phân loại thống kê gồm: mã số và tên từng bộ phận.</p>	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
	<p>2. Chính phủ quy định thẩm quyền ban hành các bảng phân loại thống kê, trừ các bảng phân loại thống kê quy định tại khoản 3 Điều này.</p> <p>3. Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành các bảng phân loại thống kê thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.</p>	<p>Nội dung phân loại thống kê chỉ rõ các yếu tố bao gồm và không bao gồm của từng bộ phận.</p> <p>3. Thẩm quyền ban hành phân loại thống kê</p> <p>a) Thủ tướng Chính phủ ban hành các phân loại thống kê áp dụng chung cho nhiều ngành, lĩnh vực, bao gồm: Hệ thống ngành kinh tế; Hệ thống ngành sản phẩm; Danh mục loại hình kinh tế; Danh mục đơn vị hành chính; Danh mục đơn vị kinh tế, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; Danh mục dân tộc; Danh mục tôn giáo; Danh mục nghề nghiệp; Danh mục giáo dục đào tạo và các phân loại thống kê dùng chung khác.</p> <p>Cơ quan Thống kê Trung ương giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành phân loại thống kê; hướng dẫn, kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện phân loại thống kê.</p> <p>b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán Nhà nước ban hành phân loại thống kê thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách ngoài các phân loại thống kê quy định ở điểm a khoản này.</p> <p>c) Cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực ban hành phân loại thống kê thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách, ngoài các phân loại thống kê đã quy định tại điểm a và điểm b khoản này.</p>	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
		<p>4. Thẩm định phân loại thống kê:</p> <p>a) Phân loại thống kê quy định tại điểm b, c khoản 3 Điều này trước khi ban hành hoặc điều chỉnh, bổ sung phải được Cơ quan Thống kê Trung ương thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê.</p> <p>b) Hồ sơ thẩm định bao gồm: văn bản đề nghị thẩm định và bản dự thảo phân loại thống kê.</p> <p>c) Nội dung thẩm định gồm: căn cứ, phạm vi và đơn vị phân loại thống kê.</p> <p>d) Thời hạn thẩm định là 15 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định.</p> <p>đ) Bộ, ngành có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo trên cơ sở ý kiến thẩm định; giải trình với Cơ quan Thống kê Trung ương bằng văn bản về việc tiếp thu, không tiếp thu ý kiến thẩm định.</p>	
Hình thức thu thập thông tin thống kê	<p>Điều 10. Hình thức thu thập thông tin thống kê</p> <p>Các hình thức chủ yếu để thu thập thông tin thống kê bao gồm điều tra thống kê và báo cáo thống kê.</p>	<p>CHƯƠNG III- HÌNH THỨC THU THẬP THÔNG TIN THỐNG KÊ CHÍNH THỨC</p> <p>21 Điều, từ Điều 17 đến Điều 37</p>	Đưa lên thành chương III
	<p>CHƯƠNG III- ĐIỀU TRA THỐNG KÊ VÀ BÁO CÁO THỐNG KÊ</p> <p>6 Điều, từ Điều 11 đến Điều 16</p>		
	<p>MỤC 1</p> <p>ĐIỀU TRA THỐNG KÊ</p>	<p>Mục 1</p> <p>ĐIỀU TRA THỐNG KÊ</p>	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
Các loại điều tra thống kê	Không quy định	<p>Điều 17. Các loại điều tra thống kê</p> <p>Điều tra thống kê gồm điều tra thống kê trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia và điều tra thống kê ngoài Chương trình điều tra thống kê quốc gia do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành.</p>	
Chương trình điều tra thống kê quốc gia	<p>Điều 11. Chương trình điều tra thống kê quốc gia</p> <p>1. Căn cứ vào hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và chế độ báo cáo thống kê tổng hợp của Nhà nước, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị các cuộc điều tra thống kê dự kiến tiến hành; cơ quan thống kê trung ương tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chương trình điều tra thống kê quốc gia dài hạn và hàng năm.</p> <p>Chương trình điều tra thống kê quốc gia bao gồm danh mục các cuộc điều tra, thời hạn điều tra, phân công thực hiện và các điều kiện bảo đảm thực hiện việc điều tra.</p>	<p>Điều 18. Chương trình điều tra thống kê quốc gia</p> <p>1. Chương trình điều tra thống kê quốc gia là những quy định do Thủ tướng Chính phủ ban hành về các cuộc tổng điều tra và điều tra thống kê được tiến hành định kỳ nhằm thu thập thông tin chủ yếu để tổng hợp các chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.</p> <p>Chương trình điều tra thống kê quốc gia gồm: tên cuộc điều tra, mục đích, đối tượng, đơn vị, loại điều tra, nội dung, thời kỳ, thời điểm điều tra, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện.</p> <p>2. Cơ quan Thống kê Trung ương giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia; hướng dẫn, kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình điều tra thống kê quốc gia.</p> <p>3. Cơ quan Thống kê Trung ương giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành trình Thủ tướng Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung Chương trình điều tra thống kê quốc gia.</p>	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
	<p>2. Chính phủ quy định việc tiến hành các cuộc điều tra ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia.</p>	<p>kê quốc gia phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.</p> <p>Điều 19. Điều tra thống kê ngoài Chương trình điều tra thống kê quốc gia</p> <p>Điều tra thống kê ngoài Chương trình điều tra thống kê quốc gia gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Điều tra thống kê đột xuất khi có thiên tai, dịch bệnh hoặc các trường hợp đột xuất khác; 2. Điều tra thống kê nhằm thu thập thông tin về các chỉ tiêu thống kê phục vụ yêu cầu quản lý của Bộ, ngành thuộc lĩnh vực phụ trách, nhưng không thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; 3. Điều tra thống kê nhằm thu thập thông tin có tính chất đặc thù phục vụ yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 	
<p>Thẩm quyền quyết định điều tra thống kê</p>	<p>Điều 12. Thẩm quyền quyết định điều tra thống kê</p>	<p>Điều 20. Thẩm quyền quyết định điều tra thống kê</p>	
	<p>1. Thủ tướng Chính phủ quyết định các cuộc tổng điều tra thống kê.</p>	<p>1. Thủ tướng Chính phủ quyết định tổng điều tra thống kê.</p>	
		<p>2. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng Cơ quan Thống kê Trung ương quyết định các cuộc điều tra thống kê được phân công trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia.</p>	
	<p>2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quyết định các cuộc điều tra</p>	<p>3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán Nhà nước, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ quyết định các cuộc điều tra thống kê được phân</p>	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
	thống kê ngoài các cuộc tổng điều tra quy định tại khoản 1 Điều này.	công trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia, các cuộc điều tra thống kê quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 19 Luật này.	
	3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quyết định các cuộc điều tra thống kê theo yêu cầu quản lý của địa phương ngoài các cuộc điều tra quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.	4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định các cuộc điều tra thống kê quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật này.	
Phương án điều tra thống kê	Điều 13. Phương án điều tra thống kê	Điều 21. Phương án điều tra thống kê	
	1. Mỗi cuộc điều tra thống kê phải có phương án điều tra thống kê.	1. Mỗi cuộc điều tra thống kê phải có phương án điều tra được ban hành kèm theo quyết định điều tra.	
	2. Phương án điều tra thống kê bao gồm các quy định và hướng dẫn về mục đích, yêu cầu, phạm vi, đối tượng, đơn vị, nội dung, phương pháp điều tra, thời điểm, thời gian điều tra, cơ quan tiến hành điều tra và lực lượng thực hiện điều tra, tổng hợp, phân tích, công bố kết quả điều tra, kinh phí và các điều kiện vật chất khác bảo đảm thực hiện, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan.	2. Phương án điều tra thống kê bao gồm các quy định và hướng dẫn về những nội dung chủ yếu: mục đích, yêu cầu điều tra; phạm vi, đối tượng, đơn vị điều tra; loại điều tra; thời điểm, thời gian và phương pháp điều tra; nội dung, phiếu điều tra; phân loại thống kê sử dụng trong điều tra; xử lý và biểu đầu ra của điều tra; kế hoạch tiến hành điều tra; tổ chức điều tra; kinh phí và các điều kiện vật chất cho điều tra.	
	3. Người quyết định điều tra thống kê quyết định phương án điều tra thống kê. Phương án điều tra thống kê của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Ủy ban nhân	3. Thẩm định phương án điều tra thống kê: a) Phương án điều tra thống kê trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia và điều tra thống kê quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19 Luật này trước khi ban hành phải được Cơ quan Thống	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
	<p>dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trước khi được quyết định phải có sự thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan thống kê trung ương.</p>	<p>kê Trung ương thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê.</p> <p>b) Hồ sơ thẩm định bao gồm văn bản đề nghị thẩm định và bản dự thảo phương án điều tra thống kê.</p> <p>c) Nội dung thẩm định bao gồm: phạm vi, đối tượng, đơn vị điều tra; loại điều tra; thời điểm, thời gian và phương pháp điều tra; nội dung, phiếu điều tra; phân loại thống kê sử dụng trong điều tra.</p> <p>d) Thời hạn thẩm định là 15 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định.</p> <p>đ) Bộ, ngành có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo trên cơ sở ý kiến thẩm định; giải trình với Cơ quan Thống kê Trung ương bằng văn bản về việc tiếp thu, không tiếp thu ý kiến thẩm định.</p>	
	<p>Điều 14. Kinh phí điều tra thống kê</p> <p>1. Kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy mô, tính chất của từng cuộc điều tra.</p> <p>2. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí điều tra thống kê được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.</p>		
	<p>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của cơ quan tiến hành điều tra và người thực hiện điều tra thống kê</p>		<p>Tách thành Điều 22 và Điều 23</p>

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
Trách nhiệm của cơ quan tiến hành điều tra thống kê	<p>1. Cơ quan tiến hành điều tra thống kê có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Chỉ đạo, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện phương án điều tra thống kê;</p> <p>b) Tổ chức tổng hợp, phân tích, công bố kết quả điều tra thống kê.</p>	<p>Điều 22. Trách nhiệm của cơ quan tiến hành điều tra thống kê</p> <p>1. Xây dựng phương án điều tra thống kê.</p> <p>2. Chỉ đạo, tổ chức và giám sát, kiểm tra việc thực hiện phương án điều tra thống kê.</p> <p>3. Kiểm tra việc cung cấp thông tin của tổ chức, cá nhân được điều tra thống kê.</p> <p>4. Tổng hợp, phân tích, công bố kết quả điều tra thống kê.</p> <p>5. Giữ bí mật thông tin thống kê thu thập được theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Báo cáo kết quả điều tra cho cơ quan thuộc Hệ thống tổ chức thống kê tập trung:</p> <p>a) Cơ quan thực hiện cuộc điều tra quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật này có trách nhiệm báo cáo kết quả điều tra cho Cơ quan Thống kê Trung ương;</p> <p>b) Cơ quan thực hiện cuộc điều tra quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật này có trách nhiệm báo cáo kết quả điều tra cho cơ quan thống kê tập trung cấp tỉnh.</p>	
Quyền và nghĩa vụ của điều tra viên thống kê	<p>2. Người thực hiện điều tra thống kê có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Được tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ điều tra thống kê;</p> <p>b) Thực hiện điều tra theo đúng phương án điều tra thống kê.</p>	<p>Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của điều tra viên thống kê</p> <p>1. Điều tra viên thống kê là người được cơ quan tiến hành điều tra trung tập, huy động để thực hiện việc thu thập thông tin của cuộc điều tra.</p> <p>2. Điều tra viên thống kê có quyền:</p> <p>a) Được tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ</p>	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
		<p>điều tra thống kê, được trang bị phương tiện phục vụ công việc thu thập thông tin và trả công theo quy định;</p> <p>b) Yêu cầu đối tượng điều tra cung cấp thông tin theo quy định của phương án điều tra.</p> <p>3. Điều tra viên thống kê có nghĩa vụ:</p> <p>a) Thực hiện thu thập thông tin theo đúng phương án điều tra thống kê và hướng dẫn của cơ quan tiến hành điều tra;</p> <p>b) Giữ bí mật thông tin thu thập được từ tổ chức, cá nhân được điều tra thống kê theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Giao nộp tài liệu, phiếu điều tra theo đúng hướng dẫn của cơ quan tiến hành điều tra.</p>	
	<p>3. Cơ quan tiến hành điều tra và người thực hiện điều tra thống kê phải chịu trách nhiệm về tính khách quan và chính xác của thông tin điều tra, giữ bí mật thông tin theo quy định của Luật này.</p>		
<p>Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được điều tra thống kê</p>	<p>Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được điều tra thống kê</p> <p>Tổ chức, cá nhân được điều tra thống kê có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p>	<p>Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được điều tra thống kê</p>	
	<p>1. Được thông báo về quyết định điều tra thống kê;</p>	<p>1. Tổ chức, cá nhân được điều tra thống kê có quyền:</p> <p>a) Được thông báo về quyết định, mục đích, yêu cầu, nội dung chủ yếu, thời hạn của cuộc điều tra;</p>	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
		b) Được bảo đảm bí mật thông tin đã cung cấp cho điều tra viên theo quy định của Luật này; c) Khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về điều tra thống kê.	
	2. Cung cấp thông tin trung thực, đầy đủ và đúng thời hạn theo yêu cầu của người thực hiện điều tra thống kê;	2. Tổ chức, cá nhân được điều tra thống kê có nghĩa vụ: a) Cung cấp thông tin trung thực, chính xác, đầy đủ và đúng thời hạn theo yêu cầu của điều tra viên thống kê hoặc cơ quan tiến hành điều tra thống kê; b) Không được từ chối hoặc cản trở việc cung cấp thông tin điều tra thống kê; c) Chịu sự kiểm tra của cơ quan tiến hành điều tra thống kê và thanh tra chuyên ngành thống kê về thông tin đã cung cấp.	
	3. Khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về điều tra thống kê.		Chuyển lên điểm c khoản 1 Điều 24
	MỤC 2 CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ CƠ SỞ	Mục 2 CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ	
Các loại chế độ báo cáo thống kê	Không quy định	Điều 25. Các loại chế độ báo cáo thống kê Chế độ báo cáo thống kê gồm chế độ báo cáo thống kê cơ sở và chế độ báo cáo thống kê tổng hợp	
Chế độ báo cáo thống kê cơ sở	Điều 17. Chế độ báo cáo thống kê cơ sở Chế độ báo cáo thống kê cơ sở bao gồm các quy định về đối tượng thực hiện, phạm vi, nội dung báo cáo, kỳ hạn, thời hạn thực hiện, nơi nhận báo cáo do cơ quan nhà nước có thẩm	Điều 26. Chế độ báo cáo thống kê cơ sở 1. Chế độ báo cáo thống kê cơ sở thu thập thông tin từ cơ sở để tổng hợp chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành và tổng hợp các	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
	quyền ban hành để thu thập thông tin thống kê từ các chứng từ, sổ ghi chép số liệu ban đầu.	<p>thông tin thống kê khác phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước.</p> <p>2. Căn cứ xây dựng chế độ báo cáo thống kê cơ sở là Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành và chế độ báo cáo thống kê tổng hợp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.</p>	
Thẩm quyền ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở	Điều 18. Thẩm quyền ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở	Điều 27. Thẩm quyền ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở	
	1. Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở để thu thập thông tin thống kê đối với những chỉ tiêu thống kê quốc gia do cơ quan thống kê trung ương được phân công thực hiện.	1. Cơ quan Thống kê Trung ương giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở để thu thập thông tin thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.	
	2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở để thu thập thông tin thống kê đối với những chỉ tiêu thống kê quốc gia được phân công thực hiện và các chỉ tiêu thống kê thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách sau khi có sự thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan thống kê trung ương.	2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán Nhà nước ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở để thu thập thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành, ngoài các chỉ tiêu thống kê đã được quy định tại khoản 1 Điều này.	
	3. Cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm xây dựng chế độ báo cáo thống kê cơ sở để thu thập thông tin thống kê thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách, ngoài các chỉ tiêu thống kê đã quy định tại khoản 1 Điều này, trình Bộ trưởng Bộ quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực ban hành.		

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
Đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở	Không quy định	<p>Điều 28. Đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập. 2. Doanh nghiệp và dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. 3. Cơ quan, đơn vị sự nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp có sử dụng ngân sách nhà nước. 4. Các tổ chức khác theo quy định của pháp luật. 	
Quyền và nghĩa vụ của tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở	<p>Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở</p> <p>Tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p>	<p>Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở</p>	
		<ol style="list-style-type: none"> 1. Được bảo đảm bí mật về dữ liệu báo cáo trong chế độ báo cáo thống kê cơ sở. 2. Được hướng dẫn về nghiệp vụ thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở. 	
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Ghi chép, tổng hợp số liệu, lập và nộp báo cáo theo quy định của chế độ báo cáo thống kê cơ sở; 2. Lập báo cáo thống kê cơ sở trung thực, chính xác, đầy đủ trên cơ sở các chứng từ và sổ ghi chép số liệu ban đầu; tính toán, tổng hợp các chỉ tiêu đúng nội dung và phương pháp theo quy định của chế độ báo cáo thống kê cơ sở; 	<ol style="list-style-type: none"> 3. Lập và nộp báo cáo theo quy định của chế độ báo cáo thống kê cơ sở; chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin báo cáo. 	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
		4. Không được từ chối hoặc cản trở việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở.	
		5. Chấp hành sự kiểm tra, thanh tra về nghiệp vụ thống kê của cơ quan có thẩm quyền.	
	3. Khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó vi phạm quy định của pháp luật về chế độ báo cáo thống kê cơ sở.	6. Khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó vi phạm quy định của pháp luật về chế độ báo cáo thống kê cơ sở.	
	MỤC 3 CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ TỔNG HỢP		
Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp	Điều 20. Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp bao gồm các quy định về đối tượng thực hiện, phạm vi, nội dung báo cáo, kỳ hạn, thời hạn thực hiện, nơi nhận báo cáo do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để tổng hợp thông tin thống kê từ các báo cáo thống kê cơ sở, báo cáo tài chính, kết quả các cuộc điều tra thống kê và các nguồn thông tin khác.	Điều 30. Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp thu thập thông tin thống kê từ cấp tổng hợp trung gian để hình thành các hệ thống chỉ tiêu thống kê và tổng hợp các thông tin thống kê khác phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước.	
Thẩm quyền ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp	Điều 21. Thẩm quyền ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp 1. Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.	Điều 31. Thẩm quyền ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp 1. Cơ quan Thống kê Trung ương giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp để thu thập thông tin thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
	<p>2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách sau khi có sự thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan thống kê trung ương.</p> <p>3. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với hệ thống Tòa án, Viện kiểm sát sau khi có sự thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan thống kê trung ương.</p>	<p>2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán Nhà nước ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp để thu thập thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành, hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện.</p>	
		<p>3. Cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm xây dựng, trình Bộ trưởng quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp để thu thập thông tin thống kê thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách trong hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành và hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện.</p>	
Đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp	Không quy định	<p>Điều 32. Đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp</p> <p>1. Đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật này gồm Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị xã hội,</p>	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
		<p>tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.</p> <p>2. Đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Luật này gồm các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện.</p>	
<p>Quyền và nghĩa vụ của cơ quan thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp</p>	<p>Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của cơ quan thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp</p> <p>Cơ quan thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p>	<p>Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp</p>	
		<p>1. Được hướng dẫn về nghiệp vụ thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp.</p>	
	<p>1. Tổ chức thu thập, tổng hợp số liệu, lập và nộp báo cáo theo quy định của chế độ báo cáo thống kê tổng hợp;</p>	<p>2. Thu thập, tổng hợp, lập và nộp báo cáo theo quy định của chế độ báo cáo thống kê tổng hợp; chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin thống kê đã báo cáo.</p>	
	<p>2. Lập báo cáo thống kê tổng hợp trung thực, chính xác, đầy đủ trên cơ sở số liệu của các cuộc điều tra thống kê, báo cáo tài chính, báo cáo thống kê cơ sở và các nguồn thông tin khác; tính toán, tổng hợp các chỉ tiêu đúng nội dung và phương pháp theo quy định của chế độ báo cáo thống kê tổng hợp;</p>	<p>3. Chịu sự kiểm tra về nghiệp vụ của cơ quan nhận báo cáo.</p>	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
		4. Không được từ chối hoặc cản trở việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp.	
		5. Chịu sự kiểm tra, thanh tra về nghiệp vụ thống kê của thanh tra chuyên ngành thống kê.	
	3. Khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó vi phạm quy định của pháp luật về chế độ báo cáo thống kê tổng hợp.	6. Khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là vi phạm quy định của pháp luật về chế độ báo cáo thống kê tổng hợp.	
Trách nhiệm của Cơ quan Thống kê Trung ương trong tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở và chế độ báo cáo thống kê tổng hợp	Không quy định	<p>Điều 34. Trách nhiệm của Cơ quan Thống kê Trung ương trong tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở và chế độ báo cáo thống kê tổng hợp</p> <p>1. Hướng dẫn, kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở được quy định tại khoản 1 Điều 27 và chế độ báo cáo thống kê tổng hợp được quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật này theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Phối hợp các cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật các khiếu nại liên quan đến chế độ báo cáo thống kê cơ sở được nêu tại khoản 1 Điều 27, chế độ báo cáo thống kê tổng hợp được nêu tại khoản 1 Điều 31 Luật này.</p> <p>3. Thẩm định chế độ báo cáo thống kê cơ sở được nêu tại khoản 2, khoản 3 Điều 27, chế độ báo cáo thống kê tổng hợp được nêu tại khoản 2, khoản 3 Điều 31 Luật này. Quy trình thẩm định thực hiện theo Điều 35 Luật này.</p>	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
Thẩm định chế độ báo cáo thống kê cơ sở và chế độ báo cáo thống kê tổng hợp	Không quy định	<p>Điều 35. Thẩm định chế độ báo cáo thống kê cơ sở và chế độ báo cáo thống kê tổng hợp</p> <p>Chế độ báo cáo thống kê quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 27 và khoản 2, khoản 3 Điều 31 Luật này trước khi ban hành phải được Cơ quan Thống kê Trung ương thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê.</p> <ol style="list-style-type: none"> Hồ sơ thẩm định gồm: văn bản đề nghị thẩm định, dự thảo văn bản ban hành, biểu mẫu và giải thích biểu mẫu báo cáo. Nội dung thẩm định gồm: thẩm quyền ban hành, đối tượng áp dụng, phạm vi thu thập, tổng hợp, biểu mẫu và giải thích biểu mẫu báo cáo. Thời hạn thẩm định là 15 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định. Bộ, ngành có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo trên cơ sở ý kiến thẩm định; giải trình với Cơ quan Thống kê Trung ương bằng văn bản về việc tiếp thu, không tiếp thu ý kiến thẩm định. 	
	Không quy định	<p>Mục 3</p> <p>DỮ LIỆU HÀNH CHÍNH CHO MỤC ĐÍCH THỐNG KÊ CHÍNH THỨC</p>	
Thu thập dữ liệu hành chính để hình thành thông tin thống kê chính thức	Không quy định	<p>Điều 36. Thu thập dữ liệu hành chính để hình thành thông tin thống kê chính thức</p> <ol style="list-style-type: none"> Dữ liệu hành chính, đặc biệt là dữ liệu đăng ký hành chính, là nguồn dữ liệu chủ yếu để hình thành các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu 	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
		<p>Bộ, ngành, cơ sở dữ liệu địa phương; là nguồn thông tin quan trọng cho hoạt động thống kê chính thức.</p> <p>2. Cơ quan nhà nước trong phạm vi, quyền hạn có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu từ nguồn dữ liệu hành chính cho mục đích quản lý của mình và cho mục đích của hoạt động thống kê, bao gồm: đăng ký hộ tịch; đăng ký doanh nghiệp; đăng ký thuế; tờ khai hải quan; các cơ sở dữ liệu thông tin quốc gia về dân cư, đất đai, cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp và cơ sở dữ liệu từ nguồn dữ liệu hành chính khác.</p> <p>3. Cơ quan thuộc Hệ thống tổ chức thống kê nhà nước có quyền khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu từ nguồn dữ liệu hành chính do cơ quan nhà nước quản lý cho mục đích của hoạt động thống kê; có trách nhiệm sử dụng đúng mục đích thống kê; bảo đảm bảo mật thông tin được chia sẻ theo đúng quy định của pháp luật.</p> <p>4. Cơ quan nhà nước quản lý cơ sở dữ liệu từ nguồn dữ liệu hành chính có trách nhiệm cung cấp dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan thuộc Hệ thống tổ chức thống kê nhà nước về danh mục, định nghĩa định dạng và các thuộc tính có liên quan của trường dữ liệu; phương thức, tần suất và thời gian cung cấp dữ liệu.</p> <p>5. Chính phủ quy định chi tiết việc sử dụng cơ sở dữ liệu từ nguồn dữ liệu hành chính cho mục đích của hoạt động thống kê.</p>	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
<p>Khai thác, sử dụng thông tin thống kê do Cơ quan thuộc Hệ thống tổ chức thống kê nhà nước quản lý</p>	<p>Điều 23. Quyền khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu thống kê</p>	<p>Điều 37. Khai thác, sử dụng thông tin thống kê do Cơ quan thuộc Hệ thống tổ chức thống kê nhà nước quản lý</p>	
	<p>1. Tổ chức thống kê tập trung có quyền khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu thống kê ban đầu của cơ quan thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp. Cơ quan thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp có trách nhiệm cung cấp thông tin thuộc cơ sở dữ liệu thống kê ban đầu do mình quản lý theo yêu cầu của tổ chức thống kê tập trung.</p>	<p>1. Cơ quan nhà nước có quyền khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu về thông tin thống kê đã công bố của cơ quan thuộc Hệ thống tổ chức thống kê nhà nước để phục vụ mục đích quản lý và mục đích thống kê thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.</p>	
		<p>2. Tổ chức, cá nhân có quyền khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu về thông tin thống kê đã công bố của cơ quan thuộc Hệ thống tổ chức thống kê nhà nước quản lý để phục vụ mục đích nghiên cứu, phát triển sản xuất kinh doanh và các mục đích chính đáng khác.</p>	
	<p>2. Cơ quan thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp được tổ chức thống kê tập trung cung cấp trở lại thông tin thống kê tổng hợp và được quyền khai thác cơ sở dữ liệu thống kê tổng hợp có liên quan của tổ chức thống kê tập trung.</p>	<p>3. Cơ quan thuộc Hệ thống tổ chức thống kê nhà nước trong phạm vi, quyền hạn của mình có trách nhiệm đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin thống kê đã công bố theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.</p>	
		<p>4. Chính phủ quy định chi tiết việc khai thác, sử dụng thông tin thống kê đã công bố của cơ quan thuộc Hệ thống tổ chức thống kê nhà nước.</p>	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
	CHƯƠNG IV- CÔNG BỐ VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN THỐNG KÊ 4 Điều, từ Điều 24 đến Điều 27	CHƯƠNG IV- PHÂN TÍCH VÀ DỰ BÁO THỐNG KÊ, CÔNG BỐ VÀ PHỔ BIẾN THÔNG TIN THỐNG KÊ CHÍNH THỨC 6 Điều, từ Điều 38 đến Điều 43	Bổ sung Phân tích, dự báo thống kê và phổ biến thông tin Thống kê chính thức
Phân tích và dự báo thống kê	Không quy định	<p>Điều 38. Phân tích và dự báo thống kê</p> <p>1. Phân tích và dự báo thống kê phục vụ việc đánh giá thực hiện chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p>2. Phân tích và dự báo thống kê nhằm làm rõ các đặc trưng của hiện tượng, quá trình kinh tế - xã hội; sự thay đổi và các yếu tố ảnh hưởng, vai trò và tác động qua lại của từng yếu tố của hiện tượng, quá trình theo thời gian và không gian; dự báo xu hướng phát triển.</p> <p>3. Phân tích và dự báo phải trung thực, khách quan, toàn diện, tập trung vào những vấn đề cần quan tâm; phải xuất phát từ số liệu thống kê đã thu thập, tổng hợp, lưu trữ, hệ thống hóa và từ diễn biến của tình hình thực tế.</p> <p>4. Cơ quan thuộc Hệ thống tổ chức thống kê nhà nước có trách nhiệm định kỳ phân tích và dự báo thống kê.</p>	
Thẩm quyền và trách nhiệm công bố thông tin thống kê chính thức	Điều 24. Công bố thông tin thống kê	Điều 39. Thẩm quyền và trách nhiệm công bố thông tin thống kê chính thức	
	1. Thông tin thống kê do tổ chức thống kê nhà nước tiến hành phải được công bố công khai, đúng thời hạn, trừ những thông tin thống kê phải	1. Thông tin Thống kê chính thức phải được công bố theo quy định.	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
	<p>được giữ bí mật quy định tại Điều 27 của Luật này.</p> <p>Chính phủ quy định cụ thể về thời hạn, phương tiện và phạm vi công bố thông tin thống kê.</p> <p>2. Thông tin thống kê do người có thẩm quyền quy định tại Điều 25 của Luật này công bố là thông tin thống kê có giá trị pháp lý.</p>		
	<p>Điều 25. Thẩm quyền công bố thông tin thống kê</p> <p>1. Thủ trưởng cơ quan thống kê trung ương công bố thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.</p> <p>2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao công bố thông tin thống kê thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách ngoài các thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương công bố thông tin thống kê từ kết quả các cuộc điều tra thống kê quy định tại khoản 3 Điều 12 của Luật này.</p>	<p>2. Thẩm quyền công bố thông tin thống kê:</p> <p>a) Thủ trưởng Cơ quan Thống kê Trung ương công bố thông tin thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;</p> <p>b) Thủ trưởng Bộ, ngành công bố thông tin thống kê thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách ngoài các thông tin thống kê được nêu tại điểm a khoản này;</p> <p>c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố thông tin thống kê từ kết quả các cuộc điều tra thống kê quy định tại khoản 4 Điều 20 Luật này;</p> <p>d) Thủ trưởng cơ quan thống kê tập trung cấp tỉnh công bố thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.</p> <p>3. Người có thẩm quyền công bố thông tin thống kê chịu trách nhiệm về thông tin đã công bố.</p>	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
Trách nhiệm của Bộ, ngành đối với các chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia	Không quy định	<p>Điều 40. Trách nhiệm của Bộ, ngành đối với các chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia</p> <p>1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán Nhà nước, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm về số liệu thống kê được phân công thu thập, tổng hợp trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.</p> <p>2. Bộ, ngành có trách nhiệm gửi số liệu thống kê được phân công thu thập, tổng hợp trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia cho Cơ quan Thống kê Trung ương thẩm định, công bố.</p>	
Thẩm định số liệu thống kê của Bộ, ngành trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia	Không quy định	<p>Điều 41. Thẩm định số liệu thống kê của Bộ, ngành trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia</p> <p>1. Bộ, ngành gửi Cơ quan Thống kê Trung ương hồ sơ thẩm định số liệu thống kê được phân công thu thập, tổng hợp trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, gồm: văn bản đề nghị thẩm định, dự thảo số liệu thống kê và giải trình nội dung, phương pháp tính, phân tổ và nguồn số liệu thu thập, tổng hợp.</p> <p>2. Nội dung thẩm định gồm: nội dung, phương pháp tính, phân tổ của chỉ tiêu.</p> <p>3. Thời hạn thẩm định là 05 ngày làm việc, kể từ ngày Cơ quan Thống kê Trung ương nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định.</p>	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
		<p>4. Bộ, ngành có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo trên cơ sở ý kiến thẩm định; giải trình với Cơ quan Thống kê Trung ương bằng văn bản về việc tiếp thu, không tiếp thu ý kiến thẩm định. Trong trường hợp Bộ, ngành không thực hiện ý kiến thẩm định của Cơ quan Thống kê Trung ương thì Cơ quan Thống kê Trung ương tự quyết định và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ.</p>	
Lịch công bố thông tin thống kê chính thức	Không quy định	<p>Điều 42. Lịch công bố thông tin thống kê chính thức</p> <p>1. Lịch công bố thông tin thống kê chính thức là biểu thời gian ấn định việc công bố thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê các cấp, là căn cứ để tiến hành hoạt động thống kê và tạo sự minh bạch, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê chủ động tiếp cận, sử dụng.</p> <p>2. Người có thẩm quyền công bố thông tin thống kê theo quy định tại Điều 39 Luật này chịu trách nhiệm xây dựng lịch công bố thông tin thống kê.</p>	
Phổ biến thông tin thống kê chính thức	Không quy định	<p>Điều 43. Phổ biến thông tin thống kê chính thức</p> <p>1. Thông tin thống kê đã công bố theo quy định của Luật này phải được phổ biến kịp thời, đầy đủ, rộng rãi, công khai và minh bạch.</p> <p>2. Các hình thức phổ biến thông tin chủ yếu:</p> <p>a) Trang thông tin điện tử của cơ quan thuộc Hệ thống thống kê nhà nước;</p>	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
		b) Hợp báo, thông cáo báo chí; c) Phương tiện thông tin đại chúng; d) Xuất bản phẩm, đĩa CD/DVD hoặc các hình thức lưu giữ thông tin điện tử khác; đ) Các hình thức phổ biến thông tin hợp pháp khác. 3. Chính phủ quy định chi tiết Chính sách công bố và phổ biến thông tin thống kê chính thức.	
		<p style="text-align: center;">CHƯƠNG V- NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP THỐNG KÊ TIÊN TIẾN, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN – TRUYỀN THÔNG VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG HOẠT ĐỘNG THỐNG KÊ CHÍNH THỨC</p> <p style="text-align: center;">3 Điều, từ Điều 44 đến Điều 46</p>	Luật 2003 Không quy định thành chương riêng mà chỉ có Điều 5- Ứng dụng khoa học, công nghệ vào hoạt động thống kê
Nghiên cứu, ứng dụng phương pháp thống kê tiên tiến	Không quy định	<p>Điều 44. Nghiên cứu, ứng dụng phương pháp thống kê tiên tiến</p> <p>1. Nhà nước ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng phương pháp thống kê tiên tiến trong hoạt động thống kê theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ của đất nước.</p> <p>2. Các lĩnh vực ưu tiên:</p> <p>a) Nghiên cứu phương pháp đo lường các hiện tượng kinh tế - xã hội mới để phản ánh đầy đủ, kịp thời tiến trình phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước;</p> <p>b) Nghiên cứu, áp dụng các phân loại thống kê theo chuẩn quốc tế;</p>	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
		<p>c) Biên soạn, biên dịch và phổ biến các tài liệu hướng dẫn phương pháp thống kê tiên tiến.</p> <p>3. Cơ quan Thống kê Trung ương giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức, điều phối hoạt động nghiên cứu, ứng dụng phương pháp thống kê tiên tiến trong hoạt động thống kê.</p>	
<p>Phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông</p>		<p>Điều 45. Phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông</p> <p>1. Nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông tiên tiến nhằm hiện đại hóa việc thu thập, xử lý, tổng hợp, công bố, phổ biến và lưu giữ, chia sẻ thông tin thống kê của Hệ thống thống kê nhà nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm:</p> <p>a) Hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông của Hệ thống tổ chức thống kê nhà nước;</p> <p>b) Hệ thống cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia tập trung thống nhất do Cơ quan Thống kê Trung ương quản lý, gồm: cơ sở dữ liệu thống kê của Hệ thống thống kê tập trung và cơ sở dữ liệu thống kê được hình thành từ nguồn dữ liệu hành chính được nêu tại khoản 2 Điều 36 Luật này;</p> <p>c) Hệ thống cơ sở dữ liệu thống kê của Bộ, ngành;</p> <p>d) Phần mềm ứng dụng;</p> <p>đ) Các phương pháp thu thập thông tin tiên tiến.</p> <p>2. Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin - truyền</p>	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
		<p>thông cung cấp các sản phẩm, dịch vụ về phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động thống kê.</p> <p>3. Cơ quan Thống kê Trung ương giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức, điều phối hoạt động phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông, bảo đảm tin học hóa mọi quy trình trong hoạt động thống kê.</p>	
<p>Hợp tác quốc tế về thống kê chính thức</p>		<p>Điều 46. Hợp tác quốc tế về thống kê chính thức</p> <p>1. Hợp tác quốc tế về thống kê nhằm bảo đảm các số liệu thống kê đáp ứng yêu cầu so sánh quốc tế, nâng cao vị thế thống kê Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.</p> <p>2. Các lĩnh vực chủ yếu trong hợp tác quốc tế gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Phương pháp thống kê; b) Đào tạo nhân lực; c) So sánh quốc tế; d) Thu hút nguồn lực. <p>3. Cơ quan Thống kê Trung ương giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức, điều phối hoạt động hợp tác quốc tế trong hoạt động thống kê.</p>	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
		CHƯƠNG VI- SỬ DỤNG THÔNG TIN THỐNG KÊ CHÍNH THỨC 3 Điều, từ Điều 47 đến Điều 49	
Sử dụng thông tin thống kê	Điều 26. Sử dụng thông tin thống kê Việc trích dẫn, sử dụng thông tin thống kê phải trung thực và ghi rõ nguồn gốc của thông tin.	Điều 47. Sử dụng thông tin thống kê chính thức 1. Tổ chức, cá nhân được bình đẳng trong việc tiếp cận, khai thác, sử dụng thông tin thống kê đã công bố theo quy định của pháp luật. 2. Việc trích dẫn, sử dụng thông tin thống kê đã công bố phải trung thực và ghi rõ nguồn gốc của thông tin. 3. Tổ chức thuộc Hệ thống tổ chức thống kê nhà nước có trách nhiệm tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc tiếp cận, khai thác, sử dụng thông tin thống kê đã công bố.	Đưa lên thành chương mới “Sử dụng thông tin Thống kê chính thức”
Bảo mật thông tin thống kê	Điều 27. Bảo mật thông tin thống kê Thông tin thống kê phải được giữ bí mật bao gồm:	Điều 48. Bảo mật thông tin thống kê chính thức	
	1. Thông tin thống kê gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng tổ chức, cá nhân, trừ trường hợp được tổ chức, cá nhân đó đồng ý cho công bố; 2. Những thông tin thống kê thuộc danh mục bí mật nhà nước.	1. Thông tin thống kê phải giữ bí mật bao gồm: a) Thông tin gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng tổ chức, cá nhân, trừ trường hợp được tổ chức, cá nhân đó đồng ý cho công bố; b) Thông tin thống kê chưa được người có thẩm quyền công bố; c) Thông tin thống kê thuộc danh mục bí mật nhà nước.	
		2. Việc bảo mật thông tin thống kê được thực hiện theo quy định của pháp luật.	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
Tham khảo ý kiến người sử dụng thông tin thống kê chính thức	Không quy định	<p>Điều 49. Tham khảo ý kiến người sử dụng thông tin thống kê chính thức</p> <p>1. Các cơ quan thuộc Hệ thống tổ chức thống kê nhà nước có trách nhiệm tổ chức tham khảo ý kiến người sử dụng thông tin thống kê chính thức về các tiêu chí đánh giá chất lượng số liệu thống kê để nâng cao chất lượng thông tin thống kê và hoàn thiện công tác thống kê.</p> <p>2. Các hình thức tham khảo ý kiến chủ yếu gồm: điều tra nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê; hội nghị người sử dụng thông tin thống kê; thăm dò qua trang thông tin điện tử.</p> <p>3. Cơ quan Thống kê Trung ương giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức, điều phối hoạt động tham khảo ý kiến người sử dụng thông tin thống kê trong hoạt động thống kê.</p>	
	CHƯƠNG V- TỔ CHỨC THỐNG KÊ 6 Điều, từ Điều 28 đến Điều 33	CHƯƠNG VII- TỔ CHỨC THỐNG KÊ 6 Điều, từ Điều 50 đến Điều 55	Giữ nguyên
Hệ thống tổ chức thống kê nhà nước	<p>Điều 28. Hệ thống tổ chức thống kê nhà nước</p> <p>Hệ thống tổ chức thống kê nhà nước bao gồm: hệ thống tổ chức thống kê tập trung, tổ chức thống kê bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.</p>	<p>Điều 50. Hệ thống tổ chức thống kê nhà nước</p> <p>Hệ thống tổ chức thống kê nhà nước bao gồm: Hệ thống tổ chức thống kê tập trung; tổ chức thống kê Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước.</p>	Giữ nguyên, bổ sung kiểm toán Nhà nước
Hệ thống tổ chức thống kê tập trung	Điều 29. Hệ thống tổ chức thống kê tập trung	Điều 51. Hệ thống tổ chức thống kê tập trung	
	1. Hệ thống tổ chức thống kê tập trung được tổ chức theo ngành dọc gồm cơ quan thống kê trung ương và các cơ quan thống kê địa phương.	1. Hệ thống tổ chức thống kê tập trung được tổ chức theo ngành dọc gồm Cơ quan Thống kê Trung ương và các cơ quan thống kê địa phương.	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
	2. Chính phủ quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của hệ thống tổ chức thống kê tập trung.	2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Hệ thống tổ chức thống kê tập trung.	
Thống kê Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Điều 30. Thống kê bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Điều 52. Thống kê Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước	Giữ nguyên, bổ sung Kiểm toán Nhà nước
	1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thống kê theo quy định của Luật này.	1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán Nhà nước theo nhiệm vụ quyền hạn có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thống kê theo quy định của Luật này.	
	2. Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức thống kê bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.	2. Thủ tướng Chính phủ quy định về tổ chức thống kê Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức.	
	3. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao theo thẩm quyền quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức thống kê của hệ thống Tòa án, Viện kiểm sát.	3. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán Nhà nước theo thẩm quyền quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức thống kê của hệ thống Tòa án, Viện kiểm sát, Kiểm toán nhà nước.	
Thống kê xã, phường, thị trấn	Điều 31. Thống kê xã, phường, thị trấn Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thống kê phục	Điều 53. Thống kê xã, phường, thị trấn Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thống kê phục vụ yêu cầu	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
	vụ yêu cầu quản lý của xã, phường, thị trấn; thực hiện các cuộc điều tra thống kê và chế độ báo cáo thống kê của Nhà nước.	quản lý của xã, phường, thị trấn; thực hiện các cuộc điều tra thống kê và chế độ báo cáo thống kê của Nhà nước.	
Thống kê doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp	<p>Điều 32. Thống kê doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp</p> <p>Doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thống kê phục vụ yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị; gửi báo cáo tài chính cho cơ quan thống kê thuộc hệ thống tổ chức thống kê tập trung; thực hiện các cuộc điều tra thống kê và chế độ báo cáo thống kê của Nhà nước.</p>	<p>Điều 54. Thống kê doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp</p> <p>Doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan thống kê thuộc Hệ thống tổ chức thống kê tập trung; thực hiện các cuộc điều tra thống kê và chế độ báo cáo thống kê của Nhà nước.</p>	
Người làm công tác thống kê	<p>Điều 33. Người làm công tác thống kê</p> <p>1. Người làm công tác thống kê bao gồm người làm công tác thống kê trong hệ thống tổ chức thống kê nhà nước, người làm thống kê ở xã, phường, thị trấn, người làm thống kê ở doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và người được trung tập thực hiện điều tra thống kê.</p> <p>2. Người làm công tác thống kê phải có các tiêu chuẩn sau đây:</p> <p>a) Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, khách quan, có ý thức chấp hành pháp luật;</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thống kê.</p> <p>3. Người làm công tác thống kê độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê.</p>	<p>Điều 55. Người làm công tác thống kê</p> <p>1. Người làm công tác thống kê bao gồm người làm công tác thống kê trong Hệ thống tổ chức thống kê nhà nước, người làm thống kê ở xã, phường, thị trấn, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và người được trung tập thực hiện điều tra thống kê.</p> <p>2. Người làm công tác thống kê có các tiêu chuẩn sau đây:</p> <p>a) Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, khách quan, có ý thức chấp hành pháp luật;</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thống kê.</p> <p>3. Người làm công tác thống kê độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê.</p>	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
	4. Người làm công tác thống kê có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về thống kê, thực hiện và chịu trách nhiệm về các công việc được phân công.	4. Người làm công tác thống kê có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về thống kê, thực hiện và chịu trách nhiệm về các công việc được phân công.	
	CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	
	<p>Điều 41. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2004.</p> <p>2. Pháp lệnh kế toán và thống kê ngày 10 tháng 5 năm 1988 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.</p>	<p>Điều 56. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm</p> <p>2. Luật Thống kê ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2003 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.</p>	
	<p>Điều 42. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành</p> <p>Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này.</p>	<p>Điều 57. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành</p> <p>1. Chính phủ quy định chi tiết việc ủy thác tổ chức, cá nhân ngoài Hệ thống thống kê nhà nước thực hiện thu thập, xử lý và tổng hợp, phân tích và dự báo thông tin thống kê chính thức.</p> <p>2. Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước căn cứ vào những nội dung được giao tại Luật này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này.</p>	
	CHƯƠNG VI- QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THỐNG KÊ		Bỏ chương này, đưa Điều 34, 35, 36 lên thành Điều 6, 7, 8 Chương I. Những quy định chung
	<p>Điều 37. Quyền và trách nhiệm của thanh tra thống kê</p> <p>Khi tiến hành thanh tra, đoàn thanh tra hoặc</p>	Bỏ	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
	<p>thanh tra viên có quyền và trách nhiệm sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xuất trình quyết định thanh tra và thẻ thanh tra viên; 2. Yêu cầu đối tượng thanh tra, các bên có liên quan cung cấp tài liệu, chứng cứ và trả lời những vấn đề liên quan đến nội dung thanh tra; 3. Lập biên bản thanh tra, kiến nghị biện pháp giải quyết đối với những sai phạm; 4. Áp dụng các biện pháp ngăn chặn và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật; 5. Thực hiện đúng trình tự, thủ tục thanh tra, không gây phiền hà, sách nhiễu, làm cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh và hoạt động bình thường của đối tượng thanh tra; 6. Báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về kết quả thanh tra và kiến nghị biện pháp giải quyết; 7. Tuân thủ pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận thanh tra và biện pháp xử lý do mình quyết định; 8. Giữ bí mật tài liệu thanh tra theo quy định của pháp luật. 		
	<p>Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của đối tượng thanh tra thống kê</p> <p>Đối tượng thanh tra có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Yêu cầu đoàn thanh tra, thanh tra viên xuất trình quyết định thanh tra, thẻ thanh tra viên và thực hiện đúng quy định của pháp luật về thanh tra; 2. Tạo điều kiện để đoàn thanh tra và thanh tra viên thực hiện nhiệm vụ; 	Bỏ	

Nội dung so sánh	Luật Thống kê năm 2003	Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi)	Giải trình
	<p>3. Cung cấp tài liệu, chứng cứ và trả lời các vấn đề có liên quan đến nội dung thanh tra theo yêu cầu của đoàn thanh tra, thanh tra viên;</p> <p>4. Chấp hành các quyết định xử lý của đoàn thanh tra, thanh tra viên theo quy định của pháp luật;</p> <p>5. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quyết định thanh tra, hành vi của thanh tra viên và kết luận, quyết định của thanh tra thống kê mà mình có căn cứ cho là không đúng pháp luật;</p> <p>6. Yêu cầu bồi thường thiệt hại do các biện pháp xử lý không đúng pháp luật của đoàn thanh tra hoặc thanh tra viên gây ra.</p>		
	CHƯƠNG VII- KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM	Bỏ	
	<p>Điều 39. Khen thưởng</p> <p>Tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác thống kê thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.</p>		
	<p>Điều 40. Xử lý vi phạm</p> <p>Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về thống kê thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.</p>		